

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG BÌNH**

Số: **18** /2015 /QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Quảng Bình, ngày **02** tháng **6** năm 2015

VP HĐND & UBND HUYỆN LÊ THUY	
ĐẾN	Số: 2049
Chuyển:	Ngày: 03/6/2015

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định quản lý nhà nước về giá
trên địa bàn tỉnh Quảng Bình**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Luật Giá ngày 20 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 89/2013/NĐ-CP ngày 06 tháng 8 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Giá về thẩm định giá;

Căn cứ Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá;

Căn cứ Thông tư số 38/2014/TT-BTC ngày 28 tháng 3 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 89/2013/NĐ-CP ngày 06 tháng 8 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Giá về thẩm định giá;

Căn cứ Thông tư số 56/2014/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 1013/TTr-STC ngày 24 tháng 4 năm 2015,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định quản lý nhà nước về giá trên địa bàn tỉnh Quảng Bình.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 30/2007/QĐ-UB ngày 30 tháng 12 năm 2007 của Ủy ban

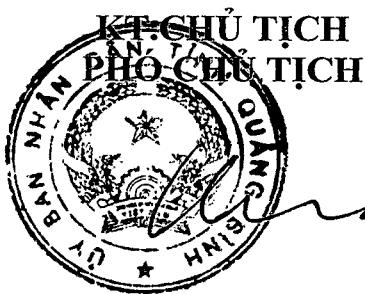
nhân dân tỉnh về việc ban hành quy định phân cấp quản lý nhà nước về giá trên địa bàn tỉnh Quảng Bình.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc các sở, Thủ trưởng các ban, ngành liên quan, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Cục Quản lý giá (BTC);
- Cục Kiểm tra văn bản (BTP);
- Ban TV Tỉnh ủy;
- TT HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Ban KTNS HĐND tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn Đại biểu QH tỉnh;
- Trung tâm Công báo tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Đài TPTH, Báo QB;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KTN.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN



Nguyễn Xuân Quang

QUY ĐỊNH

Quản lý nhà nước về giá trên địa bàn tỉnh Quảng Bình
(Ban hành kèm theo Quyết định số 18 /2015/QĐ-UBND của
Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Bình)

**Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định về bình ổn giá, hàng hóa dịch vụ do Ủy ban nhân dân tỉnh định giá, đăng ký giá, kê khai giá và thẩm định giá trên địa bàn tỉnh Quảng Bình.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Các cơ quan quản lý nhà nước, các tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động trong lĩnh vực giá, thẩm định giá trên địa bàn tỉnh Quảng Bình.

Điều 3. Nội dung quản lý nhà nước trong lĩnh vực giá

1. Tổ chức triển khai thực hiện các biện pháp bình ổn giá, quyết định về giá hàng hóa, dịch vụ do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ Tài chính và các bộ quản lý ngành liên quan, thực hiện chương trình bình ổn thị trường phù hợp với thực tế của địa phương;

2. Ban hành và bãi bỏ các văn bản quy phạm pháp luật về giá theo thẩm quyền;

3. Quyết định áp dụng, tổ chức triển khai thực hiện các biện pháp bình ổn giá trên địa bàn theo thẩm quyền được phân cấp;

4. Định giá hàng hóa, dịch vụ; quy định trình tự thẩm định và quyết định giá đối với hàng hóa, dịch vụ thuộc thẩm quyền quyết định giá của Ủy ban nhân dân tỉnh;

5. Tổ chức thực hiện kê khai giá, đăng ký giá, niêm yết giá và hiệp thương giá;

6. Kiểm tra yếu tố hình thành giá theo quy định của pháp luật;

7. Tổ chức thu thập, lưu trữ cơ sở dữ liệu về giá, phân tích và xử lý các thông tin giá cả thị trường;

8. Thực hiện quản lý nhà nước về hoạt động thẩm định giá trên địa bàn tỉnh. Thẩm định giá tài sản nhà nước quy định tại Khoản 2, Điều 31 và Điều 44 Luật giá và Điều 23 Nghị định số 89/2013/NĐ-CP theo các quy định của pháp luật về quản lý và sử dụng tài sản nhà nước và các quy định khác của pháp luật có liên quan;

9. Kiểm tra, thanh tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về giá và

các quy định khác của pháp luật có liên quan; giải quyết, khiếu nại tố cáo và xử lý các vi phạm pháp luật về giá, thẩm định giá theo thẩm quyền.

Chương II

NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 4. Bình ổn giá

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện biện pháp bình ổn giá do Chính phủ quyết định và hướng dẫn của Bộ Tài chính, các bộ quản lý ngành liên quan; chủ động thực hiện chương trình bình ổn thị trường phù hợp với tình hình thực tế tại địa phương.

2. Trong trường hợp thiên tai, hỏa hoạn, dịch bệnh, tai nạn bất ngờ, căn cứ tình hình thực tế tại địa phương, Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định các biện pháp áp dụng bình ổn giá theo thẩm quyền quy định tại Khoản 6, Điều 7 Nghị định số 177/2013/NĐ-CP, cụ thể như sau:

- a) Điều hòa cung cầu một số hàng hóa, dịch vụ thiết yếu trên địa bàn;
- b) Các biện pháp về tài chính, tiền tệ phù hợp với quy định của pháp luật;
- c) Đăng ký giá đối với hàng hóa, dịch vụ thuộc diện bình ổn giá theo quy định;
- d) Kiểm tra yếu tố hình thành giá; kiểm soát hàng hóa tồn kho; kiểm tra số lượng, khối lượng hàng hóa hiện có trên địa bàn;
- đ) Áp dụng biện pháp hỗ trợ về giá phù hợp với quy định của pháp luật và các cam kết quốc tế;
- e) Định giá cụ thể giá tối đa, giá tối thiểu hoặc khung giá hàng hóa, dịch vụ thiết yếu cần thiết để phục vụ sản xuất, tiêu dùng.

3. Tổ chức, cá nhân sản xuất kinh doanh có trách nhiệm thực hiện các biện pháp bình ổn giá đã được Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định, hướng dẫn của các bộ, ngành Trung ương, các sở, ban, ngành của tỉnh. Trường hợp không thực hiện hoặc thực hiện không đúng thì bị xử lý theo quy định của pháp luật.

4. Danh mục hàng hóa, dịch vụ thực hiện bình ổn giá theo quy định tại Điều 15 Luật Giá và Điều 3 Nghị định số 177/2013/NĐ-CP.

Điều 5. Hàng hóa dịch vụ do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định giá

1. Danh mục hàng hóa, dịch vụ thuộc thẩm quyền định giá của Ủy ban nhân dân tỉnh:

- a) Giá các loại đất; giá các loại nhà, vật kiến trúc và công trình xây dựng; giá các loại tài sản là cây trồng, hỗ trợ nuôi trồng thủy sản, phân lãng mộ và hỗ trợ di chuyển trên đất để tính bồi thường thiệt hại khi nhà nước thu hồi đất;
- b) Giá cho thuê đất, thuê mặt nước;
- c) Giá rừng sản xuất, rừng phòng hộ và rừng đặc dụng thuộc sở hữu toàn dân do Nhà nước làm đại diện chủ sở hữu;

d) Giá cho thuê, thuê mua nhà ở xã hội, nhà ở công vụ được đầu tư xây dựng từ ngân sách nhà nước; giá bán hoặc giá cho thuê nhà ở thuộc sở hữu nhà nước theo quy định của pháp luật về nhà ở;

đ) Giá nước sạch sinh hoạt;

e) Giá cho thuê tài sản Nhà nước là công trình kết cấu hạ tầng đầu tư từ nguồn ngân sách địa phương;

g) Giá sản phẩm, dịch vụ công ích, dịch vụ sự nghiệp công và hàng hóa, dịch vụ được địa phương đặt hàng, giao kế hoạch sản xuất, kinh doanh sử dụng ngân sách địa phương theo quy định của pháp luật;

h) Giá dịch vụ giáo dục, đào tạo áp dụng đối với cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông công lập thuộc tỉnh;

i) Giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước thuộc phạm vi quản lý của tỉnh;

k) Mức trợ giá, trợ cước vận chuyển hàng hóa thuộc danh mục được trợ giá, trợ cước vận chuyển chi từ ngân sách địa phương và Trung ương; mức giá hoặc khung giá bán lẻ hàng hóa được trợ giá, trợ cước vận chuyển; giá cước vận chuyển cung ứng hàng hóa, dịch vụ thiết yếu thuộc danh mục được trợ giá phục vụ đồng bào miền núi, vùng sâu, vùng xa và hải đảo;

l) Giá hàng hóa, dịch vụ khác theo quy định của pháp luật chuyên ngành.

2. Phân công trách nhiệm xây dựng phương án giá:

a) Bảng giá các loại đất; xác định giá đất cụ thể và hệ số điều chỉnh giá đất quy định tại Điểm b, Khoản 2, Điều 18 Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về giá đất: Sở Tài nguyên và Môi trường;

b) Hệ số điều chỉnh giá đất quy định tại Điểm a, Khoản 2, Điều 18 Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về giá đất; giá cho thuê đất, thuê mặt nước; giá cho thuê tài sản Nhà nước là công trình kết cấu hạ tầng đầu tư từ nguồn ngân sách địa phương; giá các loại tài sản là cây trồng, hỗ trợ nuôi trồng thủy sản, phân lãng mộ và hỗ trợ di chuyển để tính bồi thường thiệt hại khi Nhà nước thu hồi đất: Sở Tài chính;

c) Giá rừng sản xuất, rừng phòng hộ và rừng đặc dụng thuộc sở hữu toàn dân do Nhà nước làm đại diện chủ sở hữu: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

d) Giá cho thuê, thuê mua nhà ở xã hội, nhà ở công vụ được đầu tư xây dựng từ ngân sách nhà nước; giá bán hoặc giá cho thuê nhà ở thuộc sở hữu nhà nước theo quy định của pháp luật về nhà ở; giá các loại nhà, vật kiến trúc và công trình xây dựng trên đất để tính bồi thường thiệt hại khi nhà nước thu hồi đất: Sở Xây dựng;

đ) Giá nước sạch sinh hoạt tại đô thị: Đơn vị sản xuất, cung cấp nước sạch thực hiện (có ý kiến của Sở Xây dựng); giá nước sạch sinh hoạt tại nông thôn: Đơn vị sản xuất, cung cấp nước sạch thực hiện (có ý kiến của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn);

e) Giá sản phẩm, dịch vụ công ích, dịch vụ sự nghiệp công và hàng hóa, dịch vụ được địa phương đặt hàng, giao kế hoạch sản xuất, kinh doanh sử dụng ngân sách nhà nước: Đơn vị được giao nhiệm vụ thực hiện (có ý kiến của cơ quan quản lý chuyên ngành, lĩnh vực);

g) Giá dịch vụ giáo dục, đào tạo áp dụng đối với cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông công lập thuộc tỉnh: Sở Giáo dục và Đào tạo;

h) Giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước thuộc phạm vi quản lý của địa phương: Sở Y tế;

i) Mức trợ giá, trợ cước vận chuyển hàng hóa thuộc danh mục được trợ giá, trợ cước vận chuyển chi từ ngân sách địa phương và Trung ương; mức giá hoặc khung giá bán lẻ hàng hóa được trợ giá, trợ cước vận chuyển; giá cước vận chuyển cung ứng hàng hóa, dịch vụ thiết yếu thuộc danh mục được trợ giá phục vụ đồng bào miền núi, vùng sâu, vùng xa và hải đảo: Ban Dân tộc thực hiện (có ý kiến của Sở Giao thông Vận tải);

k) Giá hàng hóa, dịch vụ khác theo quy định của pháp luật chuyên ngành: Thực hiện theo hướng dẫn của Chính phủ, Bộ Tài chính và các bộ quản lý ngành.

3. Quy định trình tự, quy trình thẩm định phương án giá đối với hàng hóa dịch vụ thuộc thẩm quyền quyết định giá của Ủy ban nhân dân tỉnh:

a) Cơ quan được phân công xây dựng phương án giá theo quy định tại Khoản 2 Điều này có trách nhiệm lập hồ sơ phương án giá theo hướng dẫn tại Điều 9 Nghị định số 177/2013/NĐ-CP, Điều 9 Thông tư số 56/2014/TT-BTC, gửi lấy ý kiến bằng văn bản của các cơ quan có liên quan; tổng hợp phương án giá gửi Sở Tài chính đề nghị thẩm định;

b) Trên cơ sở ý kiến thẩm định của Sở Tài chính, cơ quan được phân công xây dựng phương án giá hoàn chỉnh phương án giá, gửi Ủy ban nhân dân tỉnh đề nghị quyết định giá (theo quy định tại Điểm c, Khoản 2, Điều 8 Thông tư số 56/2014/TT-BTC).

c) Trường hợp hàng hóa dịch vụ mà pháp luật chuyên ngành có quy định khác về trình tự, quy trình thẩm định phương án giá, thì thực hiện theo quy định của pháp luật đó.

Điều 6. Đăng ký giá, kê khai giá

1. Sở Tài chính chủ trì cùng các sở quản lý ngành và các cơ quan liên quan trình Ủy ban nhân dân tỉnh thông báo danh sách các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh trên địa bàn tỉnh phải thực hiện đăng ký giá, kê khai giá.

2. Căn cứ tình hình thực tế của địa phương tại từng thời điểm, Sở Tài chính chủ trì cùng các sở quản lý ngành và các cơ quan liên quan trình Ủy ban nhân dân tỉnh quy định hàng hóa dịch vụ đặc thù thực hiện kê khai giá tại địa phương theo quy định tại Khoản 3, Điều 15 Nghị định số 177/2013/NĐ-CP.

3. Phân công trách nhiệm của các cơ quan, địa phương trong việc tiếp nhận và rà soát biểu mẫu đăng ký giá, văn bản kê khai giá:

a) Sở Công Thương:

lu

- Tiếp nhận và rà soát biểu mẫu đăng ký giá hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục hàng hóa thực hiện bình ổn giá quy định tại Điểm a, Điểm b, Điểm c Khoản 1, Điều 3 Nghị định số 177/2013/NĐ-CP đối với các tổ chức do Văn phòng Cục Thuế quản lý;

- Tiếp nhận và rà soát văn bản kê khai giá hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục hàng hóa thực hiện bình ổn giá quy định tại Điểm a, Điểm b, Điểm c Khoản 1, Điều 3 Nghị định số 177/2013/NĐ-CP trong thời gian Nhà nước không áp dụng biện pháp đăng ký giá đối với các tổ chức do Văn phòng Cục Thuế quản lý.

b) Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:

- Tiếp nhận và rà soát biểu mẫu đăng ký giá hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục hàng hóa thực hiện bình ổn giá quy định tại Điểm d, Điểm đ, Điểm e Khoản 1, Điều 3 Nghị định số 177/2013/NĐ-CP đối với các tổ chức do Văn phòng Cục Thuế quản lý;

- Tiếp nhận và rà soát văn bản kê khai giá hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục hàng hóa thực hiện bình ổn giá quy định tại Điểm d, Điểm đ, Điểm e Khoản 1, Điều 3 Nghị định số 177/2013/NĐ-CP trong thời gian Nhà nước không áp dụng biện pháp đăng ký giá và hàng hóa, dịch vụ quy định tại Điểm d, Khoản 1, Điều 15 Nghị định số 177/2013/NĐ-CP đối với các tổ chức do Văn phòng Cục Thuế quản lý.

c) Sở Y tế:

- Tiếp nhận và rà soát biểu mẫu đăng ký giá hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục hàng hóa thực hiện bình ổn giá quy định tại Điểm h, Điểm l, Khoản 1, Điều 3 Nghị định số 177/2013/NĐ-CP đối với các tổ chức do Văn phòng Cục Thuế quản lý;

- Tiếp nhận và rà soát văn bản kê khai giá hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục hàng hóa thực hiện bình ổn giá quy định tại Điểm h, Điểm l, Khoản 1, Điều 3 Nghị định số 177/2013/NĐ-CP trong thời gian Nhà nước không áp dụng biện pháp đăng ký giá và hàng hóa, dịch vụ quy định tại Điểm k, Điểm m, Khoản 1, Điều 15 Nghị định số 177/2013/NĐ-CP đối với các tổ chức do Văn phòng Cục Thuế quản lý;

d) Sở Tài chính:

- Tiếp nhận và rà soát biểu mẫu đăng ký giá hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục hàng hóa thực hiện bình ổn giá quy định tại Điểm g, Điểm i, Điểm k, Khoản 1, Điều 3 Nghị định số 177/2013/NĐ-CP đối với các tổ chức do Văn phòng Cục Thuế quản lý;

- Tiếp nhận và rà soát văn bản kê khai giá hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục hàng hóa thực hiện bình ổn giá quy định tại Điểm g, Điểm i, Điểm k Khoản 1, Điều 3 Nghị định số 177/2013/NĐ-CP trong thời gian Nhà nước không áp dụng biện pháp đăng ký giá; hàng hóa, dịch vụ quy định tại Điểm c, Điểm n, Khoản 1, Điều 15 Nghị định số 177/2013/NĐ-CP và hàng hóa dịch vụ đặc thù do UBND tỉnh quy định đối với các tổ chức do Văn phòng Cục Thuế quản lý;

đ) Sở Xây dựng:

Tiếp nhận và rà soát văn bản kê khai giá hàng hóa, dịch vụ quy định tại Điểm b, Khoản 1, Điều 15 Nghị định số 177/2013/NĐ-CP đối với các tổ chức do Văn phòng Cục Thuế quản lý;

e) Sở Giao thông Vận tải:

Tiếp nhận và rà soát văn bản kê khai giá hàng hóa, dịch vụ quy định tại Điểm e, Điểm g, Điểm i, Điểm l, Khoản 1, Điều 15 Nghị định số 177/2013/NĐ-CP đối với các tổ chức do Văn phòng Cục Thuế quản lý;

g) Sở Giáo dục và Đào tạo:

Tiếp nhận và rà soát văn bản kê khai giá hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục hàng hóa thực hiện bình ổn giá quy định tại Điểm đ, Điểm h Khoản 1, Điều 15 Nghị định số 177/2013/NĐ-CP đối với các tổ chức do Văn phòng Cục Thuế quản lý;

h) Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố (gọi chung là cấp huyện) có trách nhiệm phân công cho các phòng, ban, đơn vị thuộc cấp huyện:

- Tiếp nhận và rà soát biểu mẫu đăng ký giá hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục hàng hóa thực hiện bình ổn giá quy định tại Khoản 1, Điều 3 Nghị định số 177/2013/NĐ-CP đối với các tổ chức, cá nhân do Chi cục Thuế các huyện, thị xã, thành phố quản lý;

- Tiếp nhận và rà soát văn bản kê khai giá hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục hàng hóa thực hiện bình ổn giá quy định tại Khoản 1, Điều 3 Nghị định số 177/2013/NĐ-CP trong thời gian Nhà nước không áp dụng biện pháp đăng ký giá; hàng hóa, dịch vụ quy định tại Khoản 1, Điều 15 Nghị định số 177/2013/NĐ-CP và hàng hóa dịch vụ đặc thù do Ủy ban nhân dân tỉnh quy định đối với các tổ chức, cá nhân do Chi cục Thuế các huyện, thị xã, thành phố quản lý.

i) Hàng hóa, dịch vụ mà pháp luật chuyên ngành có quy định về đăng ký giá thì thực hiện theo quy định của pháp luật đó;

k) Hàng hóa, dịch vụ mà pháp luật chuyên ngành có quy định về kê khai giá thì thực hiện theo quy định của pháp luật đó.

Điều 7. Thẩm định giá của nhà nước

1. Tài sản nhà nước phải thẩm định giá thực hiện theo quy định tại Khoản 2, Điều 31 và Điều 44 Luật Giá; Điều 23, Nghị định số 89/2013/NĐ-CP.

2. Quy định tài sản nhà nước có giá trị lớn tại Điểm d, Khoản 1 Điều 23 Nghị định số 89/2013/NĐ-CP sau khi đã thuê doanh nghiệp thẩm định giá theo quy định của pháp luật về thẩm định giá, phải có ý kiến thẩm định của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền:

a) Đối với tài sản mua sắm, sửa chữa có giá trị đơn chiếc hoặc tổng giá trị một lần mua sắm, sửa chữa từ 500 triệu đồng trở lên;

b) Đối với tài sản nhà nước thanh lý, bán, cho thuê hoặc đi thuê tài sản nhà nước theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản nhà nước có nguyên giá từ 500 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản.

3. Phân công trách nhiệm cho các cơ quan trong việc thẩm định giá đối với tài sản nhà nước:

a) Sở Tài chính:

- Thẩm định giá mua sắm, sửa chữa tài sản có giá trị đơn chiếc từ 100 triệu đồng trở lên hoặc tổng giá trị tài sản tính cho một lần mua sắm, sửa chữa từ 100 triệu đồng trở lên cho các sở, ban, ngành, đơn vị cấp tỉnh và các đơn vị trực thuộc (sau đây gọi chung là đơn vị cấp tỉnh);

- Thẩm định giá tài sản nhà nước để bán, thanh lý, cho thuê hoặc đi thuê tài sản phục vụ hoạt động của cơ quan nhà nước thuộc thẩm quyền xử lý tài sản của Chủ tịch UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tài chính theo quy định phân cấp quản lý tài sản hiện hành.

b) Phòng Tài chính - Kế hoạch các huyện, thị xã, thành phố:

- Thẩm định giá mua sắm, sửa chữa tài sản có giá trị đơn chiếc từ 50 triệu đồng trở lên hoặc tổng giá trị tài sản tính cho một lần mua sắm, sửa chữa từ 50 triệu đồng trở lên cho các phòng, ban, đơn vị, Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn trực thuộc các huyện, thị xã, thành phố (sau đây gọi chung là đơn vị cấp huyện);

- Thẩm định giá tài sản nhà nước để bán, thanh lý, cho thuê hoặc đi thuê tài sản phục vụ hoạt động của cơ quan nhà nước thuộc thẩm quyền xử lý tài sản của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện theo quy định phân cấp quản lý tài sản hiện hành.

c) Đơn vị cấp tỉnh:

- Thẩm định giá mua sắm, sửa chữa tài sản có giá trị đơn chiếc dưới 100 triệu đồng hoặc tổng giá trị tài sản tính cho một lần mua sắm, sửa chữa dưới 100 triệu đồng và tự chịu trách nhiệm về quyết định của mình;

- Thẩm định giá tài sản nhà nước để bán, thanh lý, cho thuê hoặc đi thuê tài sản phục vụ hoạt động của đơn vị thuộc thẩm quyền xử lý tài sản của Thủ trưởng đơn vị theo quy định phân cấp quản lý tài sản hiện hành và tự chịu trách nhiệm về quyết định của mình.

d) Đơn vị cấp huyện:

- Thẩm định giá mua sắm, sửa chữa tài sản có giá trị đơn chiếc dưới 50 triệu đồng hoặc tổng giá trị tài sản tính cho một lần mua sắm, sửa chữa dưới 50 triệu đồng và tự chịu trách nhiệm về quyết định của mình;

- Thẩm định giá tài sản nhà nước để bán, thanh lý, cho thuê hoặc đi thuê tài sản phục vụ hoạt động của đơn vị thuộc thẩm quyền xử lý tài sản của Thủ trưởng đơn vị theo quy định phân cấp quản lý tài sản hiện hành và tự chịu trách nhiệm về quyết định của mình.

4. Hội đồng thẩm định giá (quy định tại Điều 28, Nghị định số 89/2013/NĐ-CP)

a) Hội đồng thẩm định giá được thành lập để thẩm định giá tài sản mua sắm, sửa chữa có giá đơn chiếc hoặc tổng giá trị một lần mua sắm, sửa chữa từ

500 triệu đồng trở lên; tài sản nhà nước để bán, thanh lý, cho thuê hoặc đi thuê tài sản phục vụ hoạt động của cơ quan nhà nước theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản nhà nước; mua bán tài sản thuộc bí mật nhà nước; không thuê được doanh nghiệp thẩm định giá.

b) Hội đồng thẩm định giá tài sản cấp tỉnh do Sở Tài chính quyết định thành lập, lãnh đạo Sở Tài chính làm Chủ tịch hội đồng, các thành viên khác gồm:

- Đại diện đơn vị có tài sản cần thẩm định giá;
- Đại diện Phòng giá - Công sản Sở Tài chính;
- Các thành viên khác do Sở Tài chính quyết định, căn cứ vào tính chất, đặc điểm của tài sản cần thẩm định giá.

c) Hội đồng thẩm định giá tài sản cấp huyện do Phòng Tài chính - Kế hoạch quyết định thành lập, lãnh đạo Phòng Tài chính - Kế hoạch làm Chủ tịch hội đồng, các thành viên khác gồm:

- Đại diện đơn vị có tài sản cần thẩm định giá;
- Cán bộ chuyên môn về quản lý giá - Phòng Tài chính - Kế hoạch;
- Các thành viên khác do Phòng Tài chính - Kế hoạch quyết định, căn cứ vào tính chất, đặc điểm của tài sản cần thẩm định giá.

d) Hội đồng thẩm định giá tài sản của đơn vị do đơn vị quyết định thành lập, Thủ trưởng đơn vị hoặc người được ủy quyền làm Chủ tịch hội đồng, các thành viên khác gồm:

- Đại diện bộ phận chuyên môn về giá hoặc tài chính, kế toán của đơn vị;
- Đại diện bộ phận chuyên môn về giá hoặc tài chính của cơ quan cấp trên;
- Các thành viên khác do đơn vị quyết định căn cứ vào tính chất, đặc điểm của tài sản cần thẩm định giá.

e) Trình tự, thủ tục thẩm định giá của nhà nước; quyền, nghĩa vụ của Hội đồng thẩm định giá và thành viên Hội đồng thẩm định giá thực hiện theo các quy định tại Nghị định số 89/2013/NĐ-CP và các văn bản hướng dẫn.

Chương III

TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC CƠ QUAN

TRONG VIỆC QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ GIÁ TRÊN ĐỊA BÀN

Điều 8. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân tỉnh

1. Ban hành văn bản quy phạm pháp luật về giá theo thẩm quyền.
2. Tổ chức thực hiện chính sách giá, triển khai thực hiện các văn bản pháp luật về giá, quyết định giá của Chính phủ, Thủ tướng chính phủ và các Bộ, ngành, Trung ương kịp thời.
3. Quyết định các biện pháp áp dụng bình ổn giá theo quy định tại Khoản 6, Điều 7 Nghị định 177/2013/NĐ-CP.
4. Chủ động áp dụng các biện pháp cần thiết theo chủ trương chính sách

của Nhà nước để bình ổn giá. Quyết định và công bố các biện pháp bình ổn giá đối với hàng hoá, dịch vụ quan trọng tại địa phương.

5. Quyết định giá một số loại hàng hoá dịch vụ quy định tại Điều 5 của Quyết định này.

6. Thực hiện quản lý nhà nước về hoạt động thẩm định giá thuộc phạm vi quản lý của địa phương.

7. Thanh tra, kiểm tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về giá và các quy định khác của pháp luật có liên quan tại địa phương; giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm pháp luật về giá thuộc phạm vi quản lý của địa phương.

Điều 9. Trách nhiệm của Sở Tài chính

1. Tham mưu xây dựng và trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành các văn bản quy phạm pháp luật về quản lý giá, thẩm định giá trên địa bàn tỉnh;

2. Tham mưu trình Ủy ban nhân dân tỉnh những chính sách, biện pháp trong việc quản lý giá, thẩm định giá trên địa bàn tỉnh;

3. Tổ chức triển khai, thực hiện các văn bản pháp luật về giá, thẩm định giá và các quyết định về giá của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và các Bộ, ngành Trung ương trên địa bàn;

4. Phối hợp với các cơ quan có liên quan tổ chức kiểm soát giá độc quyền, chống bán phá giá, niêm yết giá và bán theo giá niêm yết trên địa bàn tỉnh;

5. Kiểm tra yếu tố hình thành giá theo quy định của pháp luật; tổ chức hiệp thương giá theo yêu cầu của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc khi có đề nghị của bên mua hoặc bên bán hoặc cả hai bên mua và bán có trụ sở đóng trên địa bàn tỉnh;

6. Tổng hợp, phân tích và dự báo sự biến động giá trên địa bàn tỉnh; báo cáo tình hình thực hiện công tác quản lý nhà nước về giá tại địa phương theo quy định của Bộ Tài chính và Ủy ban nhân dân tỉnh;

7. Thực hiện việc thanh tra, kiểm tra việc chấp hành những quy định của pháp luật về quản lý giá, thẩm định giá đối với các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh trên địa bàn tỉnh. Xử lý hoặc kiến nghị cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền xử lý các hành vi vi phạm pháp luật về giá, thẩm định giá theo quy định của pháp luật;

8. Hướng dẫn các cơ quan nhà nước, các tổ chức cá nhân xây dựng và tính phương án giá hàng hóa, dịch vụ theo quy định của pháp luật.

Điều 10. Trách nhiệm của Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh

1. Chỉ đạo, chủ trì kiểm tra các tổ chức, cá nhân thực hiện các quy định về bình ổn giá, đăng ký giá, kê khai giá, niêm yết giá và bán theo giá niêm yết đối với hàng hóa, dịch vụ thuộc ngành mình quản lý;

2. Tham mưu, xây dựng, lập, trình phương án giá hàng hoá, dịch vụ theo thẩm quyền (quy định tại Khoản 2, Điều 5 Quy định này);

3. Phối hợp với Sở Tài chính trong công tác quản lý nhà nước về giá trên

địa bàn tỉnh;

4. Tổ chức kiểm tra, thanh tra việc chấp hành các nội dung quản lý nhà nước về giá theo thẩm quyền.

Điều 11. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp huyện

1. Triển khai đầy đủ và kịp thời các văn bản pháp luật về giá, thẩm định giá, thanh tra, kiểm tra xử lý các vi phạm về giá trên địa bàn để mọi tổ chức, cá nhân thực hiện theo quy định.

2. Tổ chức chỉ đạo thực hiện có hiệu quả các quyết định giá của các cấp có thẩm quyền trên địa bàn.

3. Phân công các phòng, ban, đơn vị có liên quan tổ chức tiếp nhận đăng ký giá, kê khai giá theo hướng dẫn của Bộ Tài chính, Ủy ban nhân dân tỉnh và Sở Tài chính.

4. Chỉ đạo Phòng Tài chính - Kế hoạch và các phòng, ban chuyên môn có liên quan kiểm tra việc chấp hành các quy định về đăng ký giá, kê khai giá, niêm yết giá và bán theo giá niêm yết của các tổ chức, cá nhân kinh doanh trên địa bàn; thực hiện chế độ thông tin báo cáo định kỳ, hàng tháng và đột xuất về giá thị trường với Ủy ban nhân dân tỉnh và Sở Tài chính; lưu trữ cơ sở dữ liệu về giá trên địa bàn.

5. Tổ chức kiểm tra, thanh tra việc chấp hành các nội dung quản lý nhà nước về giá theo thẩm quyền.

Chương IV

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 12. Tổ chức thực hiện

Trong quá trình thực hiện Quy định này nếu phát sinh khó khăn, vướng mắc, các sở, ban, ngành, địa phương và các tổ chức cá nhân có liên quan phản ánh kịp thời về Sở Tài chính để báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét sửa đổi, bổ sung. /.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Xuân Quang

Lệ Thủy, ngày 3 tháng 6 năm 2015

PHIẾU XỬ LÝ CÔNG VĂN

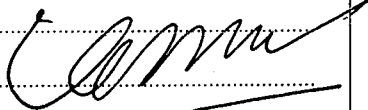
Kính gửi: Ông Chủ tịch UBND huyện

Việc đề nghị: 1. Chủ tịch, các PCT.
10000, T2 - 1000, Chi Cục Thuế
Cấp
Ông Chủ tịch: 13 người.
UBND các xã, thị trấn

5 bản

**Ý KIẾN PHÊ DUYỆT
CỦA LÃNH ĐẠO HUYỆN**

03/6/2015



CHÁNH VĂN PHÒNG



Lê Văn Sơn